

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/3/2023

V/v hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: , huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Ngô Quốc Đ, sinh năm 1989

Nơi cư trú: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Quốc Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 04/9/2019 tại UBND xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, hai bên đã nhiều lần nói chuyện, thay đổi để hòa hợp nhưng không thành. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn, anh Đ có hành vi bạo lực như đánh, tát chị và xúc phạm chị, gia đình chị. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ ngày 20/6/2022 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không thể tiếp tục chung sống

với anh Đ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 18/4/2020. Từ khi vợ chồng chị sống ly thân, chị là người trực tiếp nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay chị đang làm kế toán có thu nhập ổn định từ 8 đến 10 triệu đồng một tháng chị cam kết đủ điều kiện nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung, tài sản chung nên chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Ngô Quốc Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 17/3/2023 tại nhà anh Đ, anh Đ trình bày:*

Về quá trình tìm hiểu kết hôn như chị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, hai vợ chồng đã xảy ra bất hòa và sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Sau khi vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn anh đã xin lỗi và thuyết phục chị T về chung sống cùng anh nhưng chị T không đồng ý và vẫn kiên quyết xin ly hôn anh. Quan điểm của anh là mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn yêu vợ, yêu con.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 18/4/2020. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị T sẽ tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Ngô Quốc Đ; Về quan hệ con chung chị T và anh Đ có một con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 18/4/2020. Ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Phương A. Về tài sản chung, nợ

chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Ngô Quốc Đ đang cư trú tại xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Anh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Ngô Quốc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy vào ngày 04/9/2019. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đều xác nhận vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và điều kiện kinh tế khó khăn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh Đ mặc dù mong muốn vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên anh Đ thừa nhận không thuyết phục được chị T về chung sống cùng anh. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo anh Đ đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên Tòa anh Đ đều không đến. Chứng tỏ anh Đ không thiết tha gì việc đoàn tụ với chị T. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị T có một con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 18/4/2020. Ly hôn, chị T và anh Đ đều có nguyện vọng giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh. Vì vậy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cháu là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T ly hôn anh Ngô Quốc Đ.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 18/4/2020. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Ngô Quốc Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004265 ngày 12/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Ngô Quốc Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã T1.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

